

TIẾP CẬN TÀI CHÍNH THEO CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Đỗ Xuân Luận

Khoa Bất động sản & Kinh tế tài nguyên, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: luandx@neu.edu.vn

Võ Minh Nhật

Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh

Email: vmnhat7197@gmail.com

Mã bài báo: JED-1612

Ngày nhận: 21/02/2024

Ngày nhận bản sửa: 13/04/2024

Ngày duyệt đăng: 10/06/2024

Mã DOI: 10.33301/JED.VI.1612

Tóm tắt:

Tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị (VCF) là một sáng kiến quan trọng nhằm đổi mới phương thức tài trợ cho ngành nông nghiệp. Bài viết này tổng quan những nghiên cứu về VCF, tập trung vào các khía cạnh như: bản chất và đặc điểm của VCF, các nguồn và sản phẩm tài chính trong VCF, và cách thức VCF giúp giảm phụ thuộc vào tài sản đảm bảo, khắc phục bất cân xứng thông tin và góp phần vào phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững. Trên cơ sở này, bài viết đưa ra kết luận và nhấn mạnh ý nghĩa chính sách nhằm thúc đẩy tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị nông sản, góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: Chuỗi giá trị nông sản, tiếp cận tài chính theo chuỗi, Việt Nam.

Mã JEL: O12, Q14, E51.

Agricultural value chain financing: A review and policy implications

Abstract:

Value chain financing (VCF) is an important initiative to innovate financing methods for agriculture. This study reviews value chain financing, focusing on aspects such as the nature and characteristics of VCF, financial sources and products in VCF, and pathways that VCF helps to reduce reliance on collateral assets, address information asymmetry, and enhance sustainable agricultural value chain development. Building on this foundation, the research concludes and emphasizes the policy implications of promoting value chain financing, which contributes to sustainable agricultural development in Vietnam.

Keywords: Agricultural value chains, value chain financing, Vietnam.

JEL Codes: O12, Q14, E51.

1. Đặt vấn đề

Trong chuỗi giá trị nông sản, những tác nhân chính tham gia chủ chốt như nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã thường đối mặt với những rào cản trong tiếp cận tài chính như thiếu tài sản đảm bảo, bất cân xứng thông tin và chi phí giao dịch cao (Villalba & cộng sự, 2023). Đồng thời, các ngân hàng thường áp dụng chính sách hạn chế cho vay ngành nông nghiệp do lo ngại rủi ro và nợ xấu cao (Chen & cộng sự, 2015). Tình trạng này đặt ra một yêu cầu cấp bách cho việc tìm kiếm phương thức tiếp cận tài chính, nhằm tăng cường vốn đầu tư và nâng cao hiệu quả kinh doanh nông nghiệp.

Một trong những giải pháp mới được đề xuất là thúc đẩy tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị (VCF), một

sáng kiến tài chính nhằm đổi mới phương thức tài trợ cho ngành nông nghiệp (Bayudan-Dacuycuy & cộng sự, 2022; Bovero & cộng sự, 2019). Khác với các phương pháp truyền thống, VCF nhìn nhận toàn diện hoạt động của chuỗi giá trị nông sản và cung cấp các sản phẩm tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động của chuỗi (Miller & Jones, 2010). Tuy nhiên, việc triển khai VCF trong thực tiễn và áp dụng nó vào chính sách phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam vẫn còn hạn chế.

Bài viết này tổng quan các nghiên cứu liên quan đến VCF, từ đó đưa ra nhận định về triển vọng VCF và đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy áp dụng VCF trong thị trường tài chính nông nghiệp Việt Nam. Cấu trúc của bài viết bao gồm phần đặt vấn đề, phương pháp nghiên cứu và sau đó tập trung vào các nội dung như: (i) Bản chất của chuỗi giá trị nông sản; (ii) Bản chất tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị (VCF); (iii) Nguồn và các sản phẩm tài chính trong VCF; (iv) Vai trò và những con đường giải thích cách VCF thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững. Bài viết kết thúc bằng việc đưa ra những kết luận và hàm ý chính sách để thúc đẩy áp dụng VCF, góp phần vào phát triển bền vững của ngành nông nghiệp ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

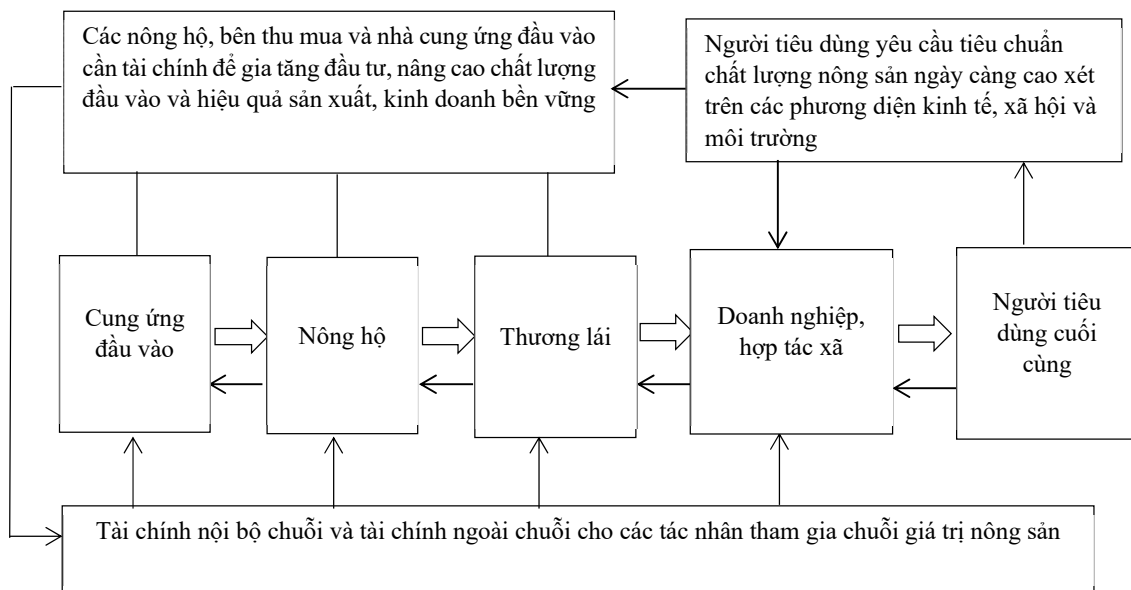
2.1. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Nguồn dữ liệu và phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng cho bài viết được tiến hành qua các bước sau: (i) Tác giả tìm kiếm trong các cơ sở dữ liệu khoa học như ScienceDirect và Google Scholar để thu thập các bài báo khoa học có liên quan đến chủ đề tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị nông sản. Các từ khóa như “value chain financing”, “agricultural value chain finance”, “tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị nông sản ở Việt Nam” được sử dụng để tìm kiếm các nguồn tài liệu; (ii) Tác giả ưu tiên lựa chọn các bài báo được công bố từ những nguồn uy tín như Scopus và Web of Science; (iii) Tác giả sử dụng phương pháp phân tích nội dung để xác định chủ đề và điểm chung trong các bài báo được chọn, từ đó tổng hợp các khái niệm, các luận điểm khoa học đối với tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị nông sản; (iv) Tác giả sắp xếp và trình bày kết quả của nghiên cứu bao gồm các chủ đề chính, các phát hiện quan trọng và nhận định về tiềm năng ứng dụng tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị nông sản ở Việt Nam; (v) Cuối cùng, tác giả đưa ra các kết luận và hàm ý chính sách nhằm ứng dụng VCF trong phát triển chuỗi giá trị nông sản, góp phần vào phát triển bền vững ngành nông nghiệp Việt Nam.

2.2. Khung lý thuyết

Khung lý thuyết được xây dựng dựa trên tổng quan các công bố khoa học có liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Chuỗi giá trị nông sản là chuỗi các hoạt động nhằm gia tăng giá trị cho nông sản, bao gồm các hoạt động sản xuất, chế biến, đóng gói, vận chuyển, tiếp thị và tiêu thụ (Bellù, 2013). Phát triển chuỗi giá trị nông

Hình 1: Khung lý thuyết tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị



Nguồn: Tác giả xây dựng.

sản phụ thuộc chặt chẽ vào nhu cầu thị trường của người tiêu dùng trên các khía cạnh như giá cả, giá trị dinh dưỡng, sự an toàn và tiết kiệm tài nguyên trong sản xuất kinh doanh nông sản (Seuring & Müller, 2008). Để đáp ứng xu hướng phát triển bền vững ngành nông nghiệp, các chuỗi giá trị nông sản cần chú trọng đến việc sử dụng tài nguyên một cách bền vững, đảm bảo hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống người nông dân và giảm thiểu phát thải khí nhà kính ra môi trường (Thanh Binh & cộng sự, 2023).

Hình 1 trình bày khung lý thuyết VCF, được xây dựng dựa trên giả định rằng tiếp cận tài chính giúp nâng cao chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất kinh doanh của chuỗi. Các nguồn tài chính chủ yếu trong chuỗi giá trị nông sản bao gồm: (i) Tài chính giữa các tác nhân tham gia chuỗi như các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), hợp tác xã và nông hộ nhằm cải tiến quy trình sản xuất và tiếp cận thị trường tiêu thụ nông sản; (ii) Tài chính của nông hộ với các nhà cung cấp đầu vào (giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và các vật tư nông nghiệp khác); (iii) Tài chính của các tác nhân trong chuỗi như các nhà cung ứng đầu vào, SME, hợp tác xã và các nông hộ với các tổ chức tài chính (chẳng hạn như ngân hàng, các công ty tài chính, các hợp tác xã tín dụng) nhằm gia tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả kinh tế của chuỗi giá trị nông sản.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Bản chất và vai trò của chuỗi giá trị nông sản

Chuỗi giá trị nông sản là toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc tạo ra giá trị gia tăng cho nông sản thông qua các công đoạn từ sản xuất, chế biến và phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng (Donovan & cộng sự, 2015). Một chuỗi giá trị nông sản thường gồm những tác nhân chính tham gia như nhà cung ứng đầu vào, nhà sản xuất, chế biến và phân phối, được hỗ trợ bởi nhà nước, nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật và tài chính (Chen & cộng sự, 2015). Các chuỗi giá trị nông sản thường được dẫn dắt bởi một nhà chế biến, tiếp thị và xuất khẩu (Trienekens, 2011). Phát triển chuỗi giá trị nông sản giúp tăng khả năng kết nối thị trường, khả năng tiếp cận tài chính, nâng cao giá trị nông sản và cải thiện thu nhập cho nông dân (Devaux & cộng sự, 2018).

Các chuỗi giá trị nông sản có thể khác nhau trong cách thức tổ chức và quản trị (Miller, 2012) và được thúc đẩy, định hướng và hỗ trợ bởi: (i) nhà sản xuất, (ii) nhà thu mua và (iii) cơ quan kiến tạo, hỗ trợ (xem Bảng 1). Chuỗi giá trị nông sản do nhà sản xuất thúc đẩy thường được tổ chức bởi những nhà sản xuất quy mô lớn hoặc cộng đồng những nhà sản xuất quy mô nhỏ (được thành lập dưới dạng các tổ hợp tác và hợp tác xã) để tận dụng lợi thế sản xuất theo quy mô, giảm chi phí sản xuất và tăng sức mạnh thị trường. Trong khi đó, các chuỗi giá trị nông sản do người mua định hướng (như các doanh nghiệp chế biến, tiếp thị và xuất khẩu) thường tổ chức sản xuất theo hợp đồng để kiểm soát quy trình sản xuất, giảm rủi ro thị trường, tối ưu cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng nông sản. Dù vậy, chuỗi giá trị nông sản do người mua định hướng có thể mang tính độc quyền mua và do đó hạn chế khả năng quyết định giá nông sản của các nông hộ sản xuất quy mô nhỏ.

Bảng 1: Mô hình kinh doanh chuỗi giá trị nông sản

Mô hình kinh doanh	Dẫn dắt bởi	Cơ sở lý luận
Nhà sản xuất thúc đẩy	- Những nhà sản xuất quy mô nhỏ (thành lập dưới dạng các tổ hợp tác và hợp tác xã) - Những nhà sản xuất quy mô lớn	- Tiếp cận thị trường mới - Giá bán cao hơn - Ổn định và đảm bảo vị thế trên thị trường
Tổ chức thu mua định hướng	- Các doanh nghiệp chế biến, tiếp thị và xuất khẩu	- Đảm bảo nguồn cung nông sản ổn định - Tăng lượng cung nông sản - Phục vụ các thị trường lớn và đáp ứng thị hiếu tiêu dùng ngày càng cao
Cơ quan kiến tạo và hỗ trợ	- Nhà nước (cấp quốc gia hoặc địa phương) - Các tổ chức phi chính phủ - Các hiệp hội	- Kiến tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh nông sản - Hỗ trợ những nông hộ thu nhập thấp tiếp cận thị trường - Thúc đẩy phát triển kinh tế vùng hoặc địa phương

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Miller (2012).

3.2. Tiếp cận tài chính theo chuỗi giá trị (VCF)

3.2.1. Bản chất của VCF

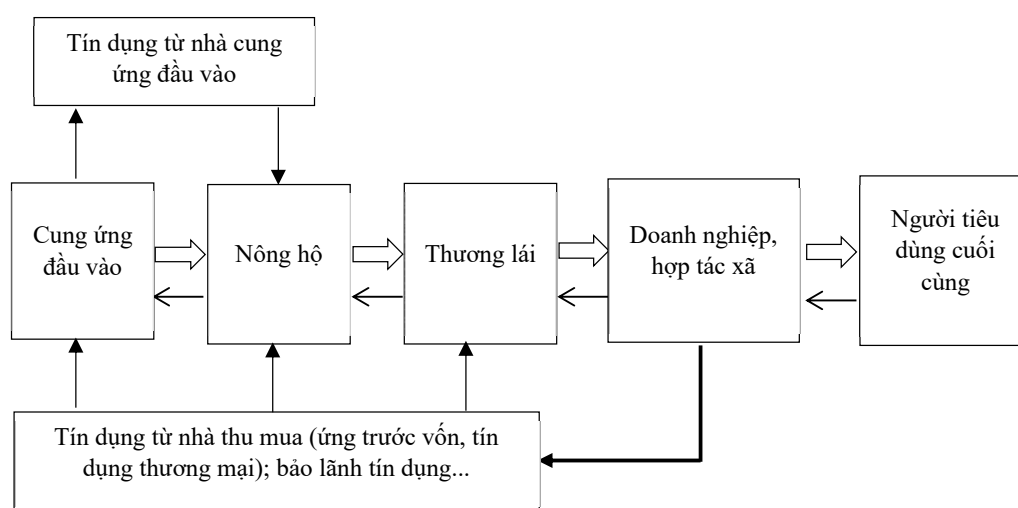
VCF là một cách tiếp cận mới, được áp dụng để xem xét, đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động và rủi ro của toàn bộ chuỗi giá trị nông sản, từ đó cung ứng các sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu của các tác nhân tham gia trong chuỗi (Gouri & Mahajan, 2017). Các tác nhân trong chuỗi giá trị nông sản có thể tài trợ cho nhau hoặc sử dụng các mối quan hệ hợp tác, liên kết có sẵn để bảo lãnh hoặc tăng độ tin cậy trong tiếp cận tài chính từ ngân hàng và các tổ chức tài chính (Hofmann, 2021).

3.2.2. Nguồn và sản phẩm tài chính trong VCF

VCF tập trung vào mối quan hệ tài chính giữa các tác nhân trong nội bộ chuỗi giá trị nông sản hoặc giữa các tác nhân với các tổ chức tài chính bên ngoài (Coon & cộng sự, 2010). Các tác nhân trong chuỗi giá trị nông sản có thể tiếp cận tài chính từ hai nguồn chính, đó là: (i) tài chính nội bộ của chuỗi giá trị nông sản, còn được gọi là tài chính trực tiếp (Hình 2); và (ii) tài chính từ bên ngoài chuỗi giá trị nông sản, còn được gọi là tài chính gián tiếp (Hình 3).

Tài chính trực tiếp là phương thức mà các tác nhân trong cùng chuỗi giá trị nông sản cung cấp các sản phẩm tài chính cho nhau (USAID, 2012). Tín dụng từ nhà cung cấp các yếu tố đầu vào là một nguồn tài chính quan trọng, trong đó nhà sản xuất được cung cấp giống, phân bón và vật tư nông nghiệp trước khi thu hoạch, và họ cam kết thanh toán bằng tiền mặt hoặc sản phẩm sau khi thu hoạch (Paguia & cộng sự, 2008). Chẳng hạn, ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long ở Việt Nam, những hộ nuôi tôm được cung cấp con giống, thức ăn và các dịch vụ thú y cho tôm với cam kết hoàn trả vốn sau khi tôm được thu hoạch và tiêu thụ (Ninh & Kieu, 2019). Tín dụng từ nhà thu mua cũng là một hình thức phổ biến, nơi mà nông dân nhận được các khoản ứng trước có kỳ hạn ngắn và theo mùa vụ. Chẳng hạn, ở vùng Tây Bắc, Việt Nam, các SME và hợp tác xã thu mua thường ứng trước vốn cho nông dân để trồng và thu hoạch các sản phẩm từ cây quế như vỏ quế, lá quế và thân quế nhằm phục vụ chế biến tinh dầu quế, chế biến gia vị hoặc sản xuất đồ nội thất (Luan, 2019). Tài chính trực tiếp thường hạn chế về nguồn và quy mô vốn do bản thân nhà cung ứng đầu vào, nhà thu mua cũng thiếu vốn đầu tư. Hơn nữa, không giống như các ngân hàng, nhà cung ứng đầu vào và nhà thu mua không có chức năng cung cấp các dịch vụ tài chính như tiết kiệm, bảo hiểm và thanh toán cho nông dân trong chuỗi giá trị nông sản (Joshi & cộng sự, 2017).

Hình 2: Tài chính nội bộ chuỗi giá trị

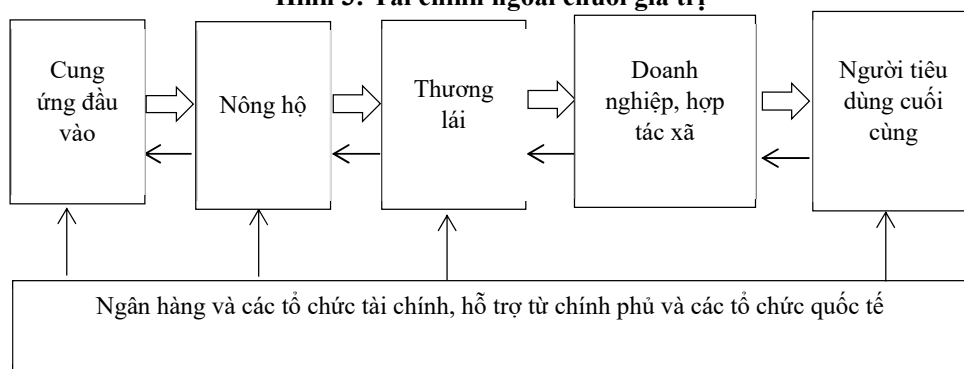


Nguồn: Tác giả xây dựng.

Tài chính gián tiếp là phương thức mà vốn tài chính được cung cấp bởi các tổ chức bên ngoài (chẳng hạn ngân hàng, các tổ chức tài chính, chính phủ và các tổ chức quốc tế) dựa trên các dòng hàng hóa, tài chính và thông tin giữa các tác nhân trong chuỗi và hiệu quả hoạt động của toàn chuỗi (Joshi & cộng sự, 2017). Tại Việt Nam, nguồn tài chính gián tiếp tài trợ cho chuỗi giá trị nông sản chủ yếu từ ngân hàng (de

Brauw & cộng sự, 2020). Chẳng hạn, các nguồn tín dụng từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) giúp nông dân, hợp tác xã và SME gia tăng đầu tư, nâng cao chất lượng và giá trị các sản phẩm từ cây quế (Luan, 2019). Các nhà xuất khẩu nông sản cũng có thể huy động được vốn kịp thời cho sản xuất kinh doanh bằng cách bán các khoản phải thu nước ngoài với một mức giá chiết khấu cho ngân hàng (Yi & cộng sự, 2021). Chẳng hạn, tại Trung Quốc và Ấn Độ, ngân hàng mua lại các khoản phải thu nhằm cung ứng vốn kịp thời cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản (Chen & cộng sự, 2015). Một phương thức tài trợ gián tiếp khác cho chuỗi giá trị nông sản đó là các hợp tác xã và SME có thể sử dụng hoá đơn nhập kho (warehouse receipt) làm tài sản đảm bảo để vay vốn ngân hàng (Miranda & cộng sự, 2019). Chẳng hạn, Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta, một doanh nghiệp chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu ở tỉnh Sóc Trăng đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Fimex, 2023). Ngoài ra, thoả thuận mua lại (Repos), một hình thức tài trợ gián tiếp khá phổ biến đối với các chuỗi giá trị nông sản tại Ấn Độ, nơi doanh nghiệp có thể bán nông sản cho ngân hàng và cam kết mua lại các nông sản đó với mức giá cao hơn sau một khoảng thời gian ngắn (Gouri & Mahajan, 2017). Trong những trường hợp thiếu các tài sản đảm bảo có giá trị, các SME và hợp tác xã có thể sử dụng dịch vụ bảo lãnh để tiếp cận tín dụng ngân hàng. Chẳng hạn, ở Việt Nam, bảo lãnh khoản vay từ các quỹ bảo lãnh tín dụng giúp các doanh nghiệp nông nghiệp tiếp cận thuận lợi với tín dụng ngân hàng, đồng thời giảm rủi ro nợ xấu cho ngân hàng (Linh & cộng sự, 2019). Tham gia bảo hiểm nông nghiệp là một lựa chọn tài chính phổ biến để bảo vệ các nhà sản xuất nông nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản trước các rủi ro (như thời tiết bất lợi, thiên tai, dịch bệnh) (King & Singh, 2020). Chẳng hạn, nông dân tham gia chuỗi giá trị cà phê ở Việt Nam sẵn sàng chi trả để mua bảo hiểm chỉ số thời tiết, một loại bảo hiểm mà việc thanh toán bồi thường được xác định dựa trên các chỉ số thời tiết cụ thể (như lượng mưa, nhiệt độ, hoặc cường độ gió), chứ không dựa trên tổn thất thực tế của nông dân (Lan & cộng sự, 2024).

Hình 3: Tài chính ngoài chuỗi giá trị



Nguồn: Tác giả xây dựng.

Bảng 2 trình bày tóm tắt các sản phẩm tài chính, những ưu điểm và hạn chế của những sản phẩm này trong VCF. Trong bối cảnh chuyển đổi xanh của ngành nông nghiệp, các sản phẩm tài chính xanh sẽ hướng tới mục tiêu hỗ trợ cho các hoạt động phát triển chuỗi giá trị nông sản ít phát thải khí nhà kính tới môi trường (Siddiqui & cộng sự, 2023). Tiếp cận các sản phẩm tài chính xanh đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ việc phát triển các chuỗi giá trị nông sản có hàm lượng carbon thấp (Lugo & cộng sự, 2023). Do đó, các sản phẩm tài chính trong VCF không những giúp nâng cao hiệu quả kinh tế của chuỗi giá trị nông sản mà còn tạo động lực tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp thông qua việc hỗ trợ các hoạt động có tính bảo vệ môi trường và phát triển bền vững (Li & cộng sự, 2023).

3.2.3. Vai trò và cách thức VCF thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững

VCF có vai trò quan trọng trong thúc đẩy đầu tư trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, góp phần vào việc phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững (Miller & Jones, 2010). Những tác động này có thể được lý giải qua các đường dẫn sau:

Thứ nhất, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản giúp giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả của từng

Bảng 2: Các sản phẩm tài chính phổ biến trong VCF

Sản phẩm	Ưu điểm	Hạn chế
1. Tín dụng từ nhà cung ứng đầu vào	i) Bên mua tiếp cận được yếu tố đầu vào theo nhu cầu ii) Nhà cung cấp được ưu tiên mua nông sản	i) Chi phí có thể cao do mua chịu ii) Thiếu nhà cung cấp iii) Việc hoàn trả là không chắc chắn
2. Tín dụng từ các công ty đầu mối, dẫn dắt chuỗi (tiếp thị, thu mua, chế biến, xuất khẩu)	i) Dễ dàng giao dịch ii) Dễ chấp nhận và phổ biến iii) Có sự cam kết mua hoặc cam kết bán iv) Hỗ trợ kỹ thuật để tăng năng suất và sản lượng v) Giảm rủi ro biến động giá	i) Chi phí không rõ ràng ii) Quản lý chi phí và vấn đề thực thi hợp đồng iii) Không chắc chắn về sản lượng thu mua iv) Hạn chế khả năng tăng giá và doanh thu cho nông dân
3. Tài trợ các khoản phải thu thương mại, bao thanh toán, tài trợ xuất khẩu (Forfaiting)	i) Cung cấp vốn lưu động ii) Giảm rủi ro các khoản phải thu iii) Giảm các rào cản tài chính cho nhà xuất khẩu và tăng khả năng trả nợ từ nhà nhập khẩu iv) Thúc đẩy kinh doanh quốc tế bằng cách chuyển rủi ro thu hồi cho bên thứ 3	i) Đòi hỏi minh chứng các giao dịch ii) Không thích hợp cho sản phẩm “dễ hỏng” iii) Phù hợp hơn với các giao dịch lớn và đòi hỏi một cơ quan bao thanh toán iv) Nông dân thiếu kiến thức về lãi suất và thị trường tài chính
4. Phiếu nhập kho (Warehouse receipt)	i) Hàng tồn kho được sử dụng để đảm bảo các khoản vay ii) Huy động vốn kịp thời cho kinh doanh iii) Áp dụng phổ biến với doanh nghiệp nông nghiệp xuất khẩu	i) Chuẩn hoá sản phẩm tồn kho về kích cỡ, phân loại, chất lượng ii) Chi phí giao dịch tăng iii) Phụ thuộc vào thể chế, quản trị và mối quan hệ với ngân hàng
5. Thoả thuận mua lại (Repos)	i) Giảm chi phí tài chính ii) Thúc đẩy giao thương hàng hoá	i) Thách thức trong quản lý tồn kho
6. Bảo lãnh khoản vay (Credit guarantees)	i) Tạo điều kiện để tiếp cận khoản vay lớn hơn ii) Giảm rủi ro tài chính iii) Tăng khả năng tiếp cận tài chính	i) Thường trợ cấp trong ngành nông nghiệp ii) Bên được bảo lãnh có thể không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết
7. Bảo hiểm (Insurance)	i) Giảm rủi ro cho các tác nhân tham gia chuỗi ii) Bảo hiểm cây trồng và vật nuôi ngày càng phổ biến	i) Chi phí bảo hiểm tăng ii) Khó khăn trong thu thập dữ liệu và quản trị rủi ro

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Miller & Jones (2010); Swamy & Dharani (2016).

khâu trong chuỗi, thu hút đầu tư từ ngân hàng và các tổ chức tài chính (Gonzalez-Vega, 2017). VCF khuyến khích nông dân, người thu mua, nhà chế biến và tổ chức tài chính liên kết với nhau để kiểm soát các quy trình sản xuất, tiếp thị, chế biến và phân phối, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nông sản và nâng cao năng lực cạnh tranh (Trienekens, 2011). Đồng thời, doanh nghiệp và hợp tác xã có thể đóng vai trò trung gian trong việc kết nối chuỗi giá trị với các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, xuất nhập khẩu và kiểm định chất lượng (Milder, 2008).

Thứ hai, VCF cải thiện tính thanh khoản, đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư trong tổ chức sản xuất và kinh doanh theo chuỗi giá trị nông sản (Jia & cộng sự, 2020). VCF hỗ trợ các tác nhân trong chuỗi tiếp cận các sản phẩm tài chính ngân hàng như tín dụng, tiết kiệm và bảo hiểm với chi phí thấp hơn, từ đó tăng hiệu quả kinh doanh của chuỗi giá trị nông sản (Miller & Da Silva, 2007).

Thứ ba, tập trung vào toàn bộ chuỗi giá trị thay vì từng công đoạn, VCF giúp ngân hàng đánh giá toàn diện rủi ro cho vay theo chuỗi, từ đó ra quyết định cho vay hiệu quả hơn (Mani & Joshi, 2017). Thông qua chuỗi giá trị nông sản, ngân hàng có thể thẩm định tín dụng khách hàng với chi phí thấp hơn, qua đó mở rộng tệp khách hàng tiềm năng hiệu quả hơn (Miller & Jones, 2010). VCF cung cấp cách tiếp cận mới, giúp ngân hàng phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của chuỗi giá trị nông sản một cách toàn diện hơn, góp phần vào phát triển thị trường tài chính nông nghiệp (Kopparthi & Kagabo, 2012). Đặc biệt, việc tập trung vào các mối liên kết trong chuỗi giá trị có thể thúc đẩy cho vay nông nghiệp ít phụ thuộc vào tài sản đảm bảo ở

Việt Nam (Luan, 2020; Luan & Kingsbury, 2019).

Thứ tư, VCF khuyến khích các tác nhân trong chuỗi giá trị thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp (Mor & cộng sự, 2021). VCF hỗ trợ phát triển các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm có hàm lượng carbon thấp và đầu tư vào các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp (Lugo & cộng sự, 2023). Điều này không chỉ đảm bảo bền vững cho ngành nông nghiệp mà còn góp phần vào các nỗ lực chống biến đổi khí hậu (Jinru & cộng sự, 2022). Tại Việt Nam, nghiên cứu của de Brauw & cộng sự (2020) chỉ ra rằng cải thiện tiếp cận tài chính và quản lý rủi ro trong chuỗi giá trị nông sản tại Việt Nam góp phần vào hiệu quả bền vững của ngành nông nghiệp. Do đó, VCF có tiềm năng lớn trong việc thúc đẩy phát triển bền vững nông nghiệp ở Việt Nam (Lam & cộng sự, 2022).

Thứ năm, chuyển đổi số giúp các tác nhân trong chuỗi giá trị tiếp cận trực tuyến với các dịch vụ thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm (Gomber & cộng sự, 2017), đồng thời giảm chi phí hoạt động và tăng hiệu quả kinh tế (da Silveira & cộng sự, 2021). Đối với ngân hàng, số hóa VCF giúp giảm bất cân xứng thông tin, giảm chi phí thẩm định tín dụng, từ đó thúc đẩy cho vay ít phụ thuộc vào tài sản đảm bảo (Agyekumhene & cộng sự, 2018). Tại Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICTs) giúp cung cấp thông tin về sản phẩm và dịch vụ tài chính, tạo điều kiện cho giao dịch trực tuyến, đánh giá rủi ro và xác định khả năng trả nợ của khách hàng, tối ưu hóa quản lý tài chính và tăng cường giao tiếp giữa ngân hàng và khách hàng, góp phần vào phát triển chuỗi giá trị nông sản (Luận & cộng sự, 2021).

4. Kết luận và hàm ý chính sách ứng dụng VCF cho Việt Nam

4.1. Kết luận

Bằng chứng từ những nghiên cứu trước đây cho thấy VCF có tiềm năng đáng kể để: (i) cải thiện khả năng tiếp cận tài chính của nông hộ, SME và hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị nông sản; (ii) khắc phục những rào cản của thị trường tài chính nông nghiệp như thiếu tài sản đảm bảo, bất cân xứng thông tin và chi phí giao dịch cao; (iii) giảm thiểu rủi ro, tăng cường vốn xã hội và thúc đẩy liên kết chuỗi bền vững. Phát triển VCF rất có triển vọng tại Việt Nam nếu các nhà hoạch định chính sách, các tác nhân tham gia chuỗi, ngân hàng và các tổ chức tài chính tuân theo cách tiếp cận mang tính đổi mới và có định hướng.

4.2. Hàm ý chính sách ứng dụng VCF cho Việt Nam

Để ứng dụng VCF thành công, nhà nước đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong kiến tạo, hỗ trợ cho phát triển các chuỗi giá trị nông sản. Nhà nước cần tập trung vào việc cải thiện khung pháp lý và quy định về tài trợ cho nông nghiệp, cung cấp dịch vụ nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng, nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đào tạo, phổ biến thông tin và tăng cường ứng phó rủi ro trong phát triển chuỗi giá trị nông sản. Ngoài ra, nhà nước cần thúc đẩy định hướng thị trường, hành động tập thể, phát huy vai trò của ngân hàng và thúc đẩy chuyển đổi số. Các yếu tố này được diễn giải cụ thể như sau:

Định hướng thị trường: VCF thành công phải dựa trên lợi ích thương mại, nhu cầu thực sự của các bên theo nguyên tắc thị trường. Định hướng thị trường trong VCF có thể bắt nguồn từ việc thực hiện các nghiên cứu thị trường và phân tích cung cầu về các nông sản cụ thể. Các chính sách VCF cần được điều chỉnh dựa trên thông tin thị trường để đảm bảo rằng tài chính được cung cấp hiệu quả và phản ánh nhu cầu thực tế của các tác nhân trong chuỗi giá trị nông sản. Định hướng thị trường cũng đòi hỏi sự tích hợp của các nguyên tắc thị trường vào quá trình ra quyết định về việc cấp tín dụng của ngân hàng và hỗ trợ tài chính của nhà nước.

Hành động tập thể: Để mở rộng phạm vi của chuỗi và kết nối sự tham gia của nông dân sản xuất quy mô vừa và nhỏ, việc phát triển các tổ hợp tác và hợp tác xã giữ vai trò rất quan trọng nhằm tăng cường sức mạnh thị trường của nông dân và tạo ra một nền tảng cho sự hợp tác và chia sẻ kiến thức giữa các thành viên trong chuỗi giá trị. Kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra rằng việc hình thành các mối quan hệ đối tác hoặc cam kết phối hợp giữa các tổ hợp tác, hợp tác xã và các tổ chức tài chính là một cách thức phổ biến và hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển của nông nghiệp. Bằng cách này, các bên liên quan có thể chia sẻ rủi ro và hưởng lợi từ các giải pháp tài chính được cung cấp, đồng thời tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định và bền vững cho toàn bộ chuỗi giá trị nông sản.

Vai trò của các ngân hàng: Vai trò của các ngân hàng trong việc hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị nông sản không chỉ là việc cung cấp tài chính mà còn là việc đóng vai trò như một đối tác chiến lược trong chuỗi giá trị nông sản. Các ngân hàng cần có một tầm nhìn tổng thể và toàn diện về các hoạt động trong chuỗi giá trị, từ sản xuất đến tiêu thụ, từ đó thiết kế các sản phẩm tài chính linh hoạt, ít phụ thuộc vào tài sản đảm bảo và

đáp ứng được nhu cầu đặc thù của từng công đoạn, từng tác nhân trong chuỗi giá trị. Điều này giúp tạo ra một môi trường tài chính linh hoạt và khuyến khích sự phát triển bền vững của chuỗi giá trị nông sản.

Chuyển đổi số: Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng các công cụ thông tin và truyền thông không chỉ giúp tăng cường minh bạch và hiệu quả của các giao dịch tài chính trực tiếp trong chuỗi giá trị nông sản mà còn tạo ra cơ hội cho sự đổi mới và tăng cường tiếp cận tài chính gián tiếp. Chuyển đổi số giúp minh bạch hoá các giao dịch kinh tế trong chuỗi giá trị nông sản, qua đó tạo ra sự tin cậy và minh bạch trong môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các tác nhân tiếp cận các nguồn tài chính bên ngoài.

Tài liệu tham khảo:

- Agyekumhene, C., de Vries, J.R., van Paassen, A., Macnaghten, P., Schut, M. & Bregt, A. (2018), 'Digital platforms for smallholder credit access: The mediation of trust for cooperation in maize value chain financing', *NJAS - Wageningen Journal of Life Sciences*, 86-87, 77-88.
- Bayudan-Dacuycuy, C., Magno-Ballesteros, M., Baje, L.K.C. & Ancheta, J.A. (2022), 'Sustainable Value Chain Financing for Smallholder Agricultural Production in the Philippines', *Philippine Journal of Development*, 46(1), 1-22.
- Bellù, L.G. (2013), 'Value chain analysis for policy making: methodological guidelines and country cases for a quantitative approach', *EASYPol Series 129*, Roma: Food and Agriculture Organization.
- Bovoro, T., Francis, J.A. & Neate, P.J.J.C.P.B. (2019), 'Financing agribusiness and value chain development in the Pacific', *CTA Policy Brief 17*, Wageningen: CTA.
- Chen, K.Z., Joshi, P.K., Cheng, E. & BIRTHAL, P.S. (2015), 'Innovations in financing of agri-food value chains in China and India: Lessons and policies for inclusive financing', *China Agricultural Economic Review*, 7(4), 616-640.
- Coon, J., Campion, A. & Wenner, M. (2010), 'Financing agriculture value chains in Central America', *Technical Notes, No IDB-TN-146*, Inter-American Development Bank (IDB), Washington, DC.
- da Silveira, F., Lermen, F.H. & Amaral, F.G.J.C. (2021), 'An overview of agriculture 4.0 development: Systematic review of descriptions, technologies, barriers, advantages, and disadvantages', *Computers Electronics in Agriculture*, 189, 106405.
- de Brauw, A., Herskowitz, S., Ambler, K., Le, H.N., Truong, T.T.T., Nguyen, T.T., Bui, T.A., Nguyen, C.T., Moyes, T., Middleton, M. & Toth, R. (2020), *Agriculture value chain finance in Viet Nam*, Australian Centre for International Agricultural Research, Canberra, Australia.
- Devaux, A., Torero, M., Donovan, J. & Horton, D. (2018), 'Agricultural innovation and inclusive value-chain development: a review', *Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies*, 8(1), 99-123.
- Donovan, J., Franzel, S., Cunha, M., Gyau, A. & Mithöfer, D. (2015), 'Guides for value chain development: a comparative review', *Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies*, 5(1), 2-23.
- Fimex (2023), *Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2023*, from <[http://file.fpts.com.vn/FileStore2/File/EzIR/UploadFile/News/2024/04/01/File_1_6092_2024.04.01_BCTC_KIEM_TOAN_2023_\(R\).pdf](http://file.fpts.com.vn/FileStore2/File/EzIR/UploadFile/News/2024/04/01/File_1_6092_2024.04.01_BCTC_KIEM_TOAN_2023_(R).pdf)>.
- Gomber, P., Koch, J.A. & Siering, M. (2017), 'Digital finance and FinTech: current research and future research directions', *Journal of Business Economics*, 87(5), 537-580.
- Gonzalez-Vega, C. (2017), 'The barriers to agricultural financing and the emergence of new models of financial intermediation for the sector', in *Innovative risk management strategies in rural and agriculture finance - The Asian experience*, Hernández, E. (Ed.), FAO.
- Gouri, K.V. & Mahajan, V. (2017), 'Different models of financing small farmers' agricultural value chains', in *Financing Agriculture Value Chains in India*, Mani, G., Joshi, P.K. & Ashok, M.V. (ed.), Springer, 33-53.
- Hofmann, E. (2021), 'Supply chain finance', in *International Encyclopedia of Transportation*, Vickerman, R. (Ed.), Oxford: Elsevier, 113-118.

-
- Jia, F., Zhang, T. & Chen, L. (2020), 'Sustainable supply chain Finance: Towards a research agenda', *Journal of cleaner production*, 243, 118680.
- Jinru, L., Changbiao, Z., Ahmad, B., Irfan, M. & Nazir, R. (2022), 'How do green financing and green logistics affect the circular economy in the pandemic situation: key mediating role of sustainable production', *Economic research*, 35(1), 3836-3856.
- Joshi, P.K., Roy, D. & Sonkar, V. (2017), 'Elements of agriculture value chain financing: a review', in *Financing Agriculture Value Chains in India*, Mani, G., Joshi, P.K. & Ashok, M.V. (ed.), Springer, 15-32.
- King, M. & Singh, A.P. (2020), 'Understanding farmers' valuation of agricultural insurance: Evidence from Vietnam', *Food Policy*, 94, 101861.
- Kopparthi, M.S. & Kagabo, N. (2012), 'Is value chain financing a solution to the problems and challenges of access to finance of small-scale farmers in Rwanda?', *Managerial Finance*, 38(10), 993.
- Lam, B.T., Cuong, T.H., Hop, H.T.M., Kien, N.T. & Lebailly, P. (2022), 'Value chain financing approach: A good way to sustainable agricultural growth in Vietnam', in *Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 1*, DOI: 10.1007/978-3-030-81435-9_37.
- Lan, L., Mushtaq, S., Wang, Q. J., Barlis, A., Deniau, A., Byrareddy, V. M., Anh, H.T. & Swaans, K. (2024), 'Are Vietnamese coffee farmers willing to pay for weather index insurance?', *International Journal of Disaster Risk Reduction*, 100, 104185.
- Li, G., Jia, X., Khan, A.A., Khan, S.U., Ali, M.A.S. & Luo, J. (2023), 'Does green finance promote agricultural green total factor productivity? Considering green credit, green investment, green securities, and carbon finance in China', *Environmental Science and Pollution Research*, 30(13), 36663-36679.
- Linh, T.N., Long, H.T., Chi, L.V., Tam, L.T. & Lebailly, P. (2019), 'Access to rural credit markets in developing countries, the case of Vietnam: A literature review', *Sustainability*, 11(5), 1468.
- Luan, D.X. (2019), 'Bridging the credit gap for sustainable medicinal plant value chain development in Northwestern Vietnam', *Agricultural Finance Review*, 79(4), 443-466.
- Luan, D.X. (2020), 'Motivation and barriers to access to formal credit of primary cinnamon producers from the perspective of value chain development in Northwestern Vietnam', *Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies*, 10(2), 117-138.
- Luan, D.X. & Kingsbury, A.J. (2019), 'Thinking beyond collateral in value chain lending: access to bank credit for smallholder Vietnamese bamboo and cinnamon farmers', *International Food and Agribusiness Management Review*, 22(1030-2019-2944), 535-556.
- Luận, Đ.X., An, D.H., Hải, T.M. & Thủy, P.T. (2021), 'ICTs thúc đẩy tiếp cận tín dụng ngân hàng của các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng ở Tây Bắc: Hàm ý chính sách kết nối cung cầu dịch vụ ngân hàng số ở nông thôn Việt Nam', *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 32(3), 22-41.
- Lugo, S.D.R., Kimita, K. & Nishino, N. (2023), 'Characteristics of decision process towards circular food economy: A review', *Cleaner Logistics and Supply Chain*, 7(2), 100104.
- Mani, G. & Joshi, P.K. (2017), 'Financing agricultural value chains: An overview of issues, lessons learnt, and policy implications', in *Financing Agriculture Value Chains in India*, Mani, G., Joshi, P.K. & Ashok, M.V. (Eds.), Springer, 3-14.
- Milder, B. (2008), 'Closing the gap: Reaching the missing middle and rural poor through value chain finance', *Enterprise development & microfinance*, 19(4), 301.
- Miller, C. (2012), *Agricultural value chain finance strategy and design: Technical note*, IFAD.
- Miller, C. & Da Silva, C. (2007), 'Value chain financing in agriculture', *Enterprise development and microfinance*, 18(2), 95-108.
- Miller, C. & Jones, L. (2010), *Agricultural value chain finance: tools and lessons*, Practical Action Publishing.
- Miranda, M.J., Mulangu, F.M. & Kemeze, F.H. (2019), 'Warehouse receipt financing for smallholders in developing countries: Challenges and limitations', *Agricultural economics*, 50(5), 629-641.
- Mor, R.S., Panghal, A. & Kumar, V. (2021), *Challenges and Opportunities of Circular Economy in Agri-Food Sector*, Springer.

-
- Ninh, L.K. & Kieu, T.D. (2019), 'Trade credit use by shrimp farmers in Ca Mau province', *Journal of Economics and Development*, 21(2), 270-284.
- Paguaia, F.L., Casuga, M.S.J.F.A. & Chain, I.I.T.A.V. (2008), *Agricultural Value Chain Financing in Asia*, Practical Action Publishing, 1-24.
- Seuring, S. & Müller, M. (2008), 'From a literature review to a conceptual framework for sustainable supply chain management', *Journal of cleaner production*, 16(15), 1699-1710.
- Siddiqui, A., Siddiqui, M. & Kautish, P. (2023), 'Green finance and low carbon technology innovation: Current research and future outlook', in *Recent Developments in Green Finance, Green Growth and Carbon Neutrality*, Publisher: Elsevier Limited, 259-280.
- Swamy, V. & Dharani, M.J.A.F.R. (2016), 'Analyzing the agricultural value chain financing: approaches and tools in India', *Agricultural Finance Review*, 76(2), 211-232.
- Thanh Binh, N., Tan Sinh, B. & Van Thuy Tien, L. (2023), 'Transformational policies and strategies framework accelerating green transition—The case of agriculture in Vietnam', *Environmental Progress & Sustainable Energy*, 42(4), e14108.
- Trienekens, J.H. (2011), 'Agricultural value chains in developing countries a framework for analysis', *International Food and Agribusiness Management Review*, 14(1030-2016-82778), 51-82.
- USAID (2012), 'Value chain finance guide - Tools for Designing project interventions that facilitate investment in key value chain upgrades', *FIELD Report No.13*, USAID.
- Villalba, R., Venus, T.E. & Sauer, J. (2023), 'The ecosystem approach to agricultural value chain finance: A framework for rural credit', *World Development*, 164, 106177.
- Yi, Z., Wang, Y. & Chen, Y.J. (2021), 'Financing an agricultural supply chain with a capital-constrained smallholder farmer in developing economies', *Production and Operations Management*, 30(7), 2102-2121.